

Số: **591**/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **20** tháng **3** năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Ban hành định mức, thiết bị lạnh bảo quản, vận chuyển
vắc xin trong tiêm chủng mở rộng tuyến tỉnh, huyện, xã**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về việc ban hành quy định về hoạt động tiêm chủng;

Căn cứ Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 31/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Công văn số 1260/VSDTTW-TCQG ngày 04/9/2018 của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương về việc hướng dẫn xây dựng định mức thiết bị lạnh bảo quản, vận chuyển vắc xin trong tiêm chủng mở rộng; Công văn số 1318/VSDTTW-TCQG ngày 13/9/2018 của Viện vệ sinh dịch tễ Trung ương về việc bổ sung định mức tủ làm đông băng bình tích lạnh;

Xét đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 35/TTr-SYT ngày 21/02/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành định mức thiết bị lạnh bảo quản, vận chuyển vắc xin trong tiêm chủng mở rộng tuyến tỉnh, huyện, xã (*định mức cụ thể theo phụ lục đính kèm*).

Điều 2. Định mức này là căn cứ để các đơn vị xây dựng kế hoạch và quản lý dây chuyền lạnh trong tiêm chủng mở rộng tại địa phương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Y tế, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Viện Vệ sinh dịch tễ TW;
- Viện Pasteur Nha Trang;
- Lưu: VT, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Nam

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số **591** /QĐ-UBND ngày **20/3/2019**
của UBND tỉnh Quảng Trị)

1. Nhu cầu dung tích lạnh dương, hòm lạnh, tủ lạnh làm đông băng bình tích lạnh tuyến tỉnh và tuyến huyện, thị xã, thành phố:

TT	Đơn vị	Số trẻ < 1 tuổi	Số tủ lạnh dương			Số hòm lạnh (cái **)	Tủ lạnh làm đông băng bình tích lạnh (cái)
			Số tủ (cái *)	Số tủ dự trữ 10% (cái *)	Tổng số (cái *)		
1	TP Đông Hà	1.705	01	01	02	07	01
2	TX Quảng Trị	455	01	01	02	07	01
3	Vĩnh Linh	1.403	01	01	02	07	01
4	Gio Linh	1.320	01	01	02	07	01
5	Hải Lăng	1.224	01	01	02	07	01
6	Triệu Phong	1.376	01	01	02	07	01
7	Cam Lộ	810	01	01	02	07	01
8	Đakrông	1.115	01	01	02	07	01
9	Hướng Hóa	2.297	01	01	02	07	01
10	Cồn Cỏ		01	01	02	07	01
11	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	11.705	04	01	05	12	02
Tổng			14	11	25	82	12

(*) Áp dụng cho tủ lạnh có dung tích bảo quản vắc xin 126,5 lít (VD: TCW3000).

(**) Áp dụng cho hòm lạnh có dung tích 20 lít (VD: RCW25).

2. Nhu cầu sử dụng dung tích lạnh âm tuyến tỉnh:

TT	Số trẻ < 1 tuổi	Số tủ (cái)	Số tủ dự trữ (cái)	Tổng số (cái)
1	11.705	01	01	02

3. Nhu cầu dung tích lạnh cho tuyến xã, cơ sở y tế có phòng sinh:

TT	Đơn vị	Số tủ < 100 lít (cái)
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	01
2	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Triệu Hải	01
3	Trạm Y tế xã/phường/thị trấn	141
	Tổng	143